

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HS-ST
Ngày 15- 3- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân H.
2. Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1994 tại xã V, huyện T, tỉnh B. Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1971; có vợ: Trần Thị H, sinh năm 1993 và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo tại ngoại- Có mặt.

- Bị hại: Anh Nông An S, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh B- Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh B- Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh Phạm Minh H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn S4, xã L, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

2. Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D, sinh năm 1994 trú tại Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh B có mối quan hệ quen biết xã hội với anh Phạm Minh H, sinh năm 1984 trú tại thôn S 4, xã L, huyện H, tỉnh B. Buổi sáng ngày 09/11/2020, D đến nhà anh H chơi. Tại đây, D gặp anh Nông An S, sinh năm 1990 trú tại thôn N, xã V, huyện T, tỉnh B. Mọi người ngồi uống nước, nói chuyện; được một lúc thì D hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave màu S đen, biển kiểm soát 98M7-0086 của anh S để đi có việc nhưng anh S không đồng ý. Sau đó, đến khoảng 09 giờ cùng ngày, D rủ anh S đi sang nhà bạn D ở xã N, huyện T, tỉnh B uống rượu; anh S đồng ý. Anh S điều khiển xe mô tô của mình chở D đi. Sau khi ăn uống xong, đến khoảng 12 giờ cùng ngày, anh S lại chở D quay lại nhà anh H. Tại đây, D rủ anh S sang nhà anh Vũ Đức T, sinh năm 1994 trú tại thôn N, xã V, huyện T, tỉnh B để lấy tiền nhưng anh S không đi. D tiếp tục hỏi mượn chiếc xe mô tô của anh S. Anh S đồng ý và giao chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M7-0086 cho D. Sau khi D điều khiển xe mô tô của anh S đi ra khỏi nhà anh H đến khu vực xóm Đ, thôn S 4, xã L, huyện H, tỉnh B; D dừng xe lại gọi điện thoại cho anh T. Do chưa làm xong việc nên anh T hẹn D đến buổi tối cùng ngày sang nhà anh T lấy tiền. Lúc này, D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của anh S. D gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 trú tại thôn K, xã L, huyện H đặt vấn đề cầm cố chiếc xe mô tô trên để lấy số tiền 4.000.000 đồng, hẹn ngày 11/11/2020 sẽ chuộc lại xe, anh L đồng ý và thống nhất với D sẽ trừ đi số tiền 1.000.000 đồng D nợ trước đó nên sẽ đưa cho D số tiền là 3.000.000 đồng. Sau đó, D điều khiển xe mô tô đến cổng Công ty may xuất khẩu H (nơi anh L làm việc). Lúc này, do anh L bận làm việc nên nhờ anh Đặng Văn Q, sinh năm 1992 ở cùng thôn ra cổng Công ty may xuất khẩu H đưa cho D số tiền 3.000.000 đồng và mang chiếc xe mô tô về cho anh L. Số tiền có được từ việc cầm cố xe, D dùng 2.000.000 đồng mua thẻ game để đánh bạc trên mạng qua điện thoại, số tiền còn lại D chi tiêu cá nhân hết. Sau khi cho D mượn xe, đến buổi tối cùng ngày không thấy D trả xe, anh S đã đến nhà D nhưng không gặp. Anh S nhiều lần điện thoại liên lạc với D nhưng không được nên ngày 11/11/2020 anh S làm đơn trình báo Công an xã L. Ngày 14/11/2020, anh Nguyễn Văn L đến Công an xã L tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đen, số khung: 367984, số máy: 5468027, biển kiểm soát 98M7-0086, xe không có gương chiếu hậu và trình bày: đây là chiếc xe mà D để lại làm tin để vay của anh L số tiền 3.000.000 đồng ngày 09/11/2020. Đến ngày 19/11/2020, Công an xã L chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cùng vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa để điều tra theo thẩm quyền. Tại Cơ quan điều tra, D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Đối với anh L, anh L khẳng định khi D hỏi vay tiền chỉ đồng ý cho D vay số tiền 3.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô để làm tin. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, tuy nhiên, D và anh L đều giữ nguyên lời khai.

Ngày 30/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 96/ĐGTS. Ngày 07/12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hiệp Hòa kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave

màu S đen, biển kiểm soát 98M7-0086, số khung: 367984, số máy: 5468027 trị giá 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave màu đen, biển kiểm soát 98M7-0086. Ngày 24/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 05/QĐ: Trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Nông An S là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nông An S không yêu cầu gì về vấn đề dân sự. Anh Nguyễn Văn L yêu cầu D phải trả số tiền 4.500.000 đồng trong đó gồm: 3.000.000 đồng đã cho D vay và cầm cố xe mô tô ngày 09/11/2020 cùng với số tiền 1.500.000 đồng D nợ anh L trước đó.

Từ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo, tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 02/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn D từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo: Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo và mức án do kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã có hành vi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave màu S đen, biển kiểm soát 98M7-0086 của anh Nông An S. Sau khi mượn xe đi lấy tiền không được, D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh S mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Trị giá chiếc xe mô tô là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"; "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, tạo ra dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và góp phần ngăn ngừa chung.

Xét về nhân thân: Bị cáo xuất thân từ thành phần dân lao động, nhận thức rõ hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi có hành vi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, vì vậy cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi lượng hình.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về dân sự nên không xem xét. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị cáo đã vay của anh L tổng là 4.500.000 đồng trong đó gồm: 3.000.000 đồng đã cho D vay và cầm cố xe mô tô ngày 09/11/2020 cùng với số tiền 1.500.000 đồng D nợ anh L trước đó. Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có căn cứ buộc bị cáo phải trả lại anh L số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo D đã vay của anh L ngày 09/11/2020 do có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với số tiền 1.500.000 đồng D nợ anh L trước đó không có liên quan gì trong vụ án này nên không được xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự khác trong trường hợp anh L có đơn khởi kiện về dân sự tại Tòa án.

- *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với anh Nguyễn Văn L: Việc anh L cho D vay số tiền 3.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô trên để làm tin, anh L không biết đó là tài sản do D phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Đặng Văn Q: Anh Q được anh L nhờ mang tiền cho D rồi lấy chiếc xe mô tô của D về; anh Q không biết thỏa thuận giữa anh L và D, cũng không biết xe mô tô là tài sản do D phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn D 07 (Bảy) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo: Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an Hiệp Hòa.
- Chi cục THADS h.Hiệp Hòa;
- L- u hồ sơ vụ án.
- Bị cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn.